

Số/No: 2025912 /TB-FUEIP100

**THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU GÓP VỐN
ĐỂ HOÁN ĐỔI LẤY MỘT LÔ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
BASKET OF COMPONENT SECURITIES TO EXCHANGE**

Kính gửi:

- Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Ho Chi Minh Stock Exchange*
- Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation*
- Các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà đầu tư/ *Authorised Participants and Investors*

1. Tên CTQLQ/*Fund management Company*:

Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A
/ *I.P.A Securities Investment Fund Management Limited Company*

2. Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank* : Ngân hàng Vietcombank

3. Mã chứng khoán/ *Securities code* : **FUEIP100**

4. Tên quỹ ETF/ *ETF name* : Quỹ ETF IPAAM VN100

5. Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address* : Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Ngày giao dịch hoán đổi/*Exchange Date* : **15/09/2025**

7. Đơn vị tính/*Unit* : 1 lô ETF = 100.000 Chứng chỉ quỹ ETF/ *1 Creation Unit = 100.000 ETF shares.*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/

Component and weight of securities to exchange for an ETF Creation Unit as follow:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
No	Securities code	Quantity	Weight
I.	Chứng khoán/Stock	1,266,280,000	95.59%
1	ACB	2,100	4.17%
2	BID	100	0.31%
3	BVH	100	0.44%
4	CII	200	0.36%
5	CMG	100	0.31%
6	CTG	400	1.52%
7	DBC	100	0.22%
8	DCM	100	0.29%
9	DGC	100	0.74%
10	DGW	100	0.34%
11	DIG	300	0.56%
12	DPM	200	0.40%
13	DXG	400	0.73%
14	EIB	700	1.44%
15	EVF	300	0.30%
16	FPT	600	4.60%
17	FRT	100	0.99%
18	FTS	100	0.28%
19	GAS	100	0.47%
20	GEX	300	1.25%
21	GMD	200	1.04%

22	GVR	100	0.22%
23	HAG	300	0.35%
24	HCM	300	0.62%
25	HDB	1,200	2.85%
26	HDG	100	0.24%
27	HHV	200	0.23%
28	HPG	2,000	4.53%
29	HSG	200	0.31%
30	KBC	200	0.59%
31	KDC	100	0.41%
32	KDH	300	0.79%
33	LPB	1,300	4.33%
34	MBB	2,000	4.02%
35	MSB	900	0.94%
36	MSN	400	2.60%
37	MWG	500	2.98%
38	NAB	700	0.82%
39	NKG	200	0.30%
40	NLG	100	0.31%
41	OCB	300	0.30%
42	PAN	100	0.25%
43	PC1	100	0.20%
44	PDR	200	0.36%
45	PLX	100	0.27%
46	PNJ	100	0.66%
47	POW	300	0.35%
48	PVD	100	0.18%
49	PVT	100	0.14%
50	REE	100	0.50%
51	SAB	100	0.35%
52	SHB	1,600	2.12%
53	SSB	700	1.04%
54	SSI	700	2.21%
55	STB	900	3.76%
56	TCB	1,800	5.25%
57	TCH	200	0.33%
58	TPB	700	1.03%
59	VCB	400	1.99%
60	VCG	200	0.41%
61	VCI	200	0.67%
62	VHM	600	4.78%
63	VIB	800	1.28%
64	VIC	700	7.28%

703
CỘNG
HÒA
T H
ÂN L
CHỦ
T
INH

65	VIX	700	1.85%
66	VJC	100	1.10%
67	VND	500	0.90%
68	VNM	400	1.91%
69	VPB	2,100	5.01%
70	VRE	400	0.93%
II.	Tiền/Cash (VND)	58,391,305	4.41%
III.	Tổng/Total	1,324,671,305	100.00%

Chênh lệch giữa giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đổi/

Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF creation Unit as follow:

Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket : (VND) 1,266,280,000

Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per ETF creation unit : (VND) 1,324,671,305

Giá trị chênh lệch/Cash component : (VND) 58,391,305

Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

- Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/For Creation Order:

Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference in to the Fund's Account.

- Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/For Redemption Order:

Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee.

Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay thế bằng tiền (nếu có)/ In case, component securities can be replaced by cash (if any)

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
No.	Securities code	Substitution cash per share VND	Applied to	Reason
1	ACB	26,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	40,950	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định khoản 4(a) điều 28 thông tư 121/2020/TT-BTC BVSC: Restriction of ownership by Circular
3	FPT	101,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
4	GMD	69,200	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	26,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	79,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	88,000	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
8	REE	66,800	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
9	TCB	38,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
10	TPB	19,500	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
11	VPB	31,600	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/The stock reaches foreign ownership limit
12	VND	23,900	VND	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading

Thông tin đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty/Quỹ tại đường dẫn: <https://ipaam.com.vn/vi/home/>

Đại diện tổ chức/Organization Representative

Người được ủy quyền công bố thông tin/ Persons Authorized to Disclose Information

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có) / (Signature, full name and seal - if any)



Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thủy Lan

